

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH

Quy chế ứng phó sự cố môi trường do chất thải gây ra

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI CỦA CÁC CHÍNH SÁCH

3. Chính sách 3: Thông tin, thực hiện truyền thông về quá trình ứng phó, cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố.

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Việc phát triển mạnh mẽ các hoạt động công nghiệp, đặc biệt là hình thành các khu công nghiệp (KCN), khu kinh tế (KKT) tập trung ở các vùng dễ bị tổn thương như vùng duyên hải, ven biển những năm gần đây (KKT Nghi Sơn, Vũng Áng, Dung Quất, Chu Lai...), hay việc phê duyệt triển khai các dự án sản xuất lớn nhưng có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, bên cạnh việc góp phần tăng trưởng kinh tế, xã hội cho khu vực nhưng cũng đang tiềm ẩn nhiều nguy cơ không nhỏ về môi trường ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển bền vững của Việt Nam. Thời gian qua đã xảy ra khá nhiều sự cố môi trường do xả thải gây ra, nổi cộm như sự cố môi trường biển miền Trung do nước thải công nghiệp của công ty FORMOSA Hà Tĩnh gây ô nhiễm môi trường biển nghiêm trọng; ô nhiễm nước sông Bưởi (Thanh Hóa) do nước thải sản xuất chưa ra xử lý xả thải môi trường gây ô nhiễm hạ lưu sông Bưởi và làm cá sông và cá nuôi lồng bè chết hàng loạt ở huyện Thạch Thành (Thanh Hóa); Cá chết diện rộng trên Hồ Tây Hà Nội do việc xả thải ở các khu vực lân cận; ô nhiễm môi trường do vỡ bể chứa bùn thải chì tại thị trấn Pác Miều (Cao Bằng); ô nhiễm môi trường nước và không khí từ Khu công nghiệp Tăng Loong (Lào Cai) kéo dài từ 2011 đến nay. Bộ Tài nguyên môi trường cũng đã ghi nhận *“Thiệt hại từ những vụ việc, sự cố nêu trên không chỉ là những thiệt hại về mặt kinh tế mà còn gây những tác động tiêu cực đến sức khỏe, đời sống sinh hoạt, các hoạt động phát triển du lịch, kinh tế của cộng đồng dân cư các khu vực lân cận, gây tâm lý bất ổn cho người dân nói chung”*¹.

Những bất ổn, hệ lụy từ các sự cố môi trường gây ra một phần xuất phát từ việc thông tin của cả quá trình từ ứng phó sự cố đến cải tạo, phục hồi môi trường chưa được quy chuẩn, chặt chẽ. Một số bất cập về thông tin nhận diện được như sau:

- Đầu mỗi tiếp nhận thông tin về sự cố môi trường chưa có chuyên trách, tản mát: Hiện nay thông tin về sự cố môi trường được thông báo cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy theo đầu số 114, Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn theo đầu số 112. Điều này dẫn đến công tác ứng cứu không được kịp thời, toàn diện.

¹ Cục Quản lý Tài nguyên môi trường. *Sự cố môi trường nổi cộm và một số bài học kinh nghiệm*. Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 2016. Lưu trữ Cục Quản lý Tài nguyên môi trường.

- Trách nhiệm thông tin khai báo chưa được quy định, hướng dẫn cụ thể. Ví dụ cơ sở để xảy ra sự cố môi trường có trách nhiệm báo cáo ngay đến cơ quan nào? Tổ chức, cá nhân gây ra hoặc phát hiện ra sự cố môi trường trên biển có trách nhiệm báo cáo ngay cho ai, cơ quan tổ chức nào?

- Các dữ liệu về môi trường nền, thông tin cảnh báo thiên tai, các vùng nhạy cảm hay giàu đa dạng sinh học, thông tin dự án và các nguồn xả... đang nằm rải rác tại các đơn vị, chức năng liên quan, thiếu sự chia sẻ, kết nối và thiếu số liệu tổng hợp dẫn đến sự hạn chế trong khả năng dự báo các rủi ro. Không có thông tin cảnh báo sớm. Các thông tin về môi trường chưa được tổng hợp, đánh giá toàn diện dẫn đến thiếu thông tin và bằng chứng khoa học đáng tin cậy cho việc ra quyết định. Phạm vi sự cố môi trường cho chất thải gây ra rộng, do đó để đánh giá cần có số liệu tổng hợp từ nhiều nguồn đang được quản lý và vận hành bởi các cơ quan khác nhau.

+ Cho đến nay hầu hết các thông tin đối với cộng đồng dân cư về các KCN hay KKT ở giai đoạn bắt đầu xem xét đi vào thành lập thường rất chung chung, chủ yếu là các thông tin có định hướng để tạo được sự đồng thuận của cộng đồng dân cư cho việc thành lập các KCN hay KKT này, điều đó khiến cho cộng đồng dân cư, thậm chí các cấp quản lý bậc trung thiếu sự chuẩn bị cho các rủi ro xảy ra và do đó dẫn đến tình trạng gây sock trước những biến đổi quá đột ngột, không được chuẩn bị trước của chính quyền các cấp và cho cả cộng đồng dân cư. Với các trường hợp sự cố môi trường xảy ra do xả thải thì chỉ khi xảy ra sự cố thì các thông tin về cơ chế cụ thể vận hành hoạt động của KCN và KKT mới được xem xét, tìm hiểu cụ thể.

+ Cho đến nay, hoàn toàn không có số liệu thống kê về những độ ảnh hưởng mà các sự cố xả thải gây ra như: số liệu về việc làm bị ảnh hưởng (mất, chuyển đổi), trợ giúp khẩn cấp, y tế, giáo dục, bảo hiểm, chăm sóc xã hội, hỗ trợ tìm việc.v.v.v. Việc này là hạn chế lớn cho việc đánh giá mức độ ảnh hưởng, các tác động và dự báo các rủi ro xảy ra. Trong cơ sở dữ liệu các sự kiện khẩn cấp của ASEAN về Việt Nam chỉ có các thông tin về số lần diễn ra, tổng số người thiệt mạng, tổng số người bị ảnh hưởng và tổng thiệt hại của các hiện tượng hạn hán, lũ lụt, sâu bệnh phá hại, sạt lở đất, bão, cháy rừng mà không có số liệu về sự cố xả thải là hiện tượng lớn của Việt Nam mấy năm gần đây². Đánh giá tác động và đánh giá nhu cầu sau thảm họa, cú sốc, sự cố môi trường do xả thải phần lớn tập trung vào các thiệt hại được xác định một cách chặt chẽ về vật chất/thể chất. Ví dụ: nhà hoặc thiết bị sản xuất bị hư hỏng, thương tích cá nhân. Các thông tin để đánh giá các tác động phi vật chất như an ninh lương thực hoặc tiếp cận dịch vụ cơ bản ít được quan tâm. Chỉ số, biểu mẫu và qui trình đánh giá không được tiêu chuẩn hóa tạo ra sai số và tính không chính xác về tác động trên các vùng đại lý khác nhau. Dữ liệu về tác động và nhu cầu khoogn được phân tích theo giới tính, tuổi tác hoặc các tiêu chí dễ bị tổn thương.

² WFP, FAO, UNICEF, UNISDR (2018). *Tăng cường năng lực của các quốc gia thành viên ASEAN trong việc thiết kế và thực hiện các hệ thống bảo trợ xã hội dduwwojc cung cấp thoogn tin về rủi ro và có khả năng ứng phó với cú sốc để tăng sự chống chịu*. Báo cáo tổng hợp khu vực. Bangkok, WFP. <http://www.emdat.be/>

- Các thông tin về quá trình ứng phó, xử lý cũng được thông tin không đầy đủ, kịp thời. Hệ thống thông tin báo cáo và kế hoạch ứng phó cấp quốc gia cũng chưa được lưu tâm.

+ Cho đến nay hầu hết các doanh nghiệp đều đã xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với sự cố hóa chất và an toàn hóa chất. Các tỉnh có KCN và KKT cũng đã xây dựng kế hoạch cấp tỉnh về việc phòng ngừa và ứng phó này theo Chỉ thị 03 của Chính phủ³. Tuy nhiên ở cấp quốc gia chưa hoàn thành kế hoạch quốc gia về phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường nói chung và chưa có kế hoạch quốc gia về phòng ngừa, ứng phó với sự cố do chất thải gây ra. Mặt khác, việc xây dựng các kế hoạch ứng phó của doanh nghiệp, đơn vị cũng còn mang tính hình, đối phó, chưa đi vào thực chất.

Khi được hỏi về quá trình xây dựng lập kế hoạch ứng phó, doanh nghiệp X cho biết: *Cán bộ xây dựng không biết quanh khu vực KCN, nhà máy có bao nhiêu hộ dân sinh sống, những sự cố xảy ra có thể ảnh hưởng như thế nào đến việc làm, giáo dục, sinh kế, cứu khỏe, giáo dục... của các hộ gia đình và dân cư như thế nào. Doanh nghiệp không hề tiến hành bất cứ cuộc thăm dò khảo sát vào về những ảnh hưởng mà sự cố có thể xảy ra¹.*

+ Thông tin trong quá trình xử lý sự cố môi trường còn chưa được thông báo kịp thời, đầy đủ. Chưa có quy định chặt chẽ về việc: công bố các kết quả điều tra sự cố môi trường; về công khai các phương án khắc phục, cải tạo và phục hồi môi trường sau sự cố của cơ quan chủ trì tham mưu chỉ huy ứng phó sự cố môi trường; về trách nhiệm thông báo và cập nhật về tiến trình áp dụng các thủ tục pháp lý cần thiết đảm bảo cơ sở gây sự cố phải có trách nhiệm khắc phục và bồi thường theo đúng quy định của pháp luật trong thời hạn bao lâu kể từ ngày kết thúc quá trình điều tra.

+ Các thông tin về quá trình ứng phó sự cố môi trường chưa có yêu cầu chuẩn về các nội dung bắt buộc phải công bố như: Tên và địa chỉ đầy đủ của cơ sở xảy ra sự cố hoặc vị trí xảy ra sự cố trong trường hợp không xác định được cơ sở xảy ra sự cố; Loại sự cố, loại môi trường chịu tác động và phạm vi khu vực có khả năng bị ảnh hưởng; Các biện pháp phòng ngừa sự cố và bảo đảm an toàn môi trường và sức khỏe đã được cơ sở thực hiện hoặc trình lên cơ quan có thẩm quyền; Tên gọi thông dụng hoặc tên chung của các loại hóa chất nguy hiểm có khả năng phát tán ra môi trường hoặc còn nằm trong khu vực sự cố có khả năng làm gia tăng mức độ sự cố kèm theo dấu hiệu về các đặc tính nguy hiểm chính của các loại hóa chất này bằng các thuật ngữ đơn giản; Các thông tin chung liên quan đến bản chất của sự cố, bao gồm tác động tiềm tàng phát sinh từ sự cố đối với sức khỏe con người và môi trường tóm tắt theo nội dung từng kịch bản và biện pháp ứng phó cụ thể; Các dấu hiệu nhận biết về các chất nguy hiểm hoặc các triệu chứng do bị phơi nhiễm các chất lên sức khỏe con người, vật nuôi và cây trồng; Các biện pháp ứng phó sự cố đang được thực hiện và đơn vị thực

³ Theo Chỉ thị 03/CT-TTg ngày 5/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ yêu cầu xây dựng Kế hoạch quốc gia về phòng ngừa, ứng phó với sự cố hóa chất và an toàn hóa chất và kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với sự cố hóa chất cấp tỉnh

hiện; Các biện pháp tự bảo vệ cho tổ chức, người dân và vật nuôi được áp dụng; Các cảnh báo về biện pháp ứng phó tạm thời cho các tổ chức, cá nhân trong khu vực bị ảnh hưởng như: sơ tán khẩn cấp, tạm di dời, ngừng hoạt động, không ra khỏi nhà trong thời gian nhất định, không sử dụng nguồn nước,...; Các thông tin trợ giúp khẩn cấp đối với sự cố như đơn vị cứu hộ, cứu nạn; trạm y tế; đội điều tra sự cố tại khu vực xảy ra sự cố; Chỉ dẫn các địa chỉ truy cập thông tin thêm về sự cố và các biện pháp ứng phó...

+ Hầu hết dân cư địa phương thiếu thông tin về sự cố mặt và sử dụng các chất độc hại tại địa phương, tại KCN hay KKT ở khu vực họ sinh sống. Điều đó cho thấy dân cư không được bảo đảm an toàn ngay từ ban đầu khi có sự xuất hiện của các chất độc hại. Các kế hoạch phòng ngừa, kịch bản ứng phó, các nguy cơ sự cố và các biện pháp ứng phó sự cố sẽ được cơ sở thực hiện theo các phương án an toàn của cơ sở chỉ được nộp cho các cấp quản lý mà không thông báo cho cộng đồng dân cư biết.

- Việc điều tra sau khi sự cố môi trường xả thải diễn ra chưa kịp thời, thông tin sự cố cập nhật chậm, lý do là việc xem xét thành lập các đội điều tra mất khá nhiều thời gian. Chưa có quy định ai, ở đâu tham gia như thế nào, các loại sự cố khác nhau có thành lập các đội khác nhau không? Thực tế đội ngũ điều tra mất nhiều thời gian cho công tác kiểm tra trong khi hiện tượng sự cố thay đổi nhanh làm cho thông tin thiếu chính xác. Các loại thông tin điều tra cũng còn khác nhau, chưa thống nhất quy chuẩn cho tất cả các Đội điều tra sự cố môi trường dẫn đến các thông tin thiếu sự sâu chuỗi, mất nhiều thời gian thực hiện điều tra bổ sung, thời gian điều tra tiến hành rời rạc, không đồng bộ toàn diện nên mất nhiều thời gian cho việc tổng hợp thông tin, kết quả điều tra.

- Hình thức thông báo thông tin chưa đa dạng và hiệu quả còn mang tính hình thức: Các đầu mối liên lạc của tổ chức, cá nhân có liên quan theo các kịch bản ứng phó sự cố tương ứng tác nghiệp chậm, các phương tiện phát thanh, truyền hình của tỉnh và quốc gia, hệ thống truyền thanh địa phương hoặc hợp báo chính thức về sự cố môi trường tại các khu vực bị ảnh hưởng còn được sử dụng rất ít; chưa có cơ sở dữ liệu quốc gia online về ứng phó sự cố/ tình trạng khẩn cấp.

- Việc phát ngôn truyền thông trong quá trình ứng phó sự cố môi trường còn chưa chuyên nghiệp. Việc thiếu cơ sở dữ liệu quốc gia về ứng phó sự cố hoặc tình trạng khẩn cấp là các nguồn thông tin chính thống về các thông tin liên quan đến sự cố môi trường và các hoạt động ứng phó đã được thực hiện là nguyên nhân chính để các phát ngôn đưa ra thiếu thuyết phục, thiếu chính xác và kịp thời.

- Khi sự cố môi trường do xả thải xảy ra tạo ra rất nhiều thách thức với hệ thống trợ giúp xã hội khẩn cấp ở Việt Nam mà nguyên nhân cũng xuất phát từ luồng thông tin không đầy đủ, kịp thời. Các thách thức có thể nói tới là thiếu sự phối hợp trong trợ giúp khẩn cấp, các bộ khác nhau hoạt động tách biệt với

nhau. Hệ thống thông tin thủ công, báo cáo nhu cầu không đầy đủ, thiếu mẫu báo cáo chuẩn, không có dữ liệu về nhu cầu phục hồi sau thảm họa và dữ liệu thống kê không được phân tích cho các nhóm mục tiêu khác nhau. Hệ thống liên lạc thiên tai có thể hoạt động tốt trong thời gian bình thường nhưng không bền vững khi các cú sốc xảy ra⁴⁴.

Chính vì vậy, các vấn đề về thông tin ở tất cả các giai đoạn hình thành – ứng phó – xử lý đã dẫn tới sự hiểu sai lệch rằng Chính phủ chỉ hướng đến những lợi ích ngắn hạn mà không tính đến an sinh của cộng đồng người dân cư, tạo ra những phản ứng tiêu cực trong dân và thậm chí nguy hiểm hơn là ảnh hưởng tới niềm tin của nhân dân vào Đảng và Chính phủ. Điển hình như các hoạt động biểu tình, và làn sóng phản ứng của cộng đồng dân cư Nghệ An, Hà Tĩnh đã lan sang cả nước, ảnh hưởng lớn đến vị thế chính trị của Đảng và Chính phủ.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Thông tin liên quan về **quá trình ứng phó, cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố** được cung cấp chính thống, chính xác, kịp thời cho các bên liên quan.

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Phương án 1: Giữ nguyên hiện trạng

Phương án 2: Quy định rõ việc cung cấp thông tin và truyền thông về quá trình ứng phó, cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố.

3.4. Đánh giá tác động xã hội của các giải pháp

3.4.1 Phương án 1: Giữ nguyên hiện trạng.

a. Tác động tích cực: Không có

b. Tác động tiêu cực:

Do nguồn thông tin và số liệu thống kê trực tiếp về các sự cố xả thải không có nên việc đánh giá các tác động xã hội trong báo cáo này sẽ giới hạn ở số liệu của các thống kê sự cố môi trường nói chung, cùng loại ở các kênh như: sức khỏe, y tế; giáo dục, trợ giúp khẩn cấp, chăm sóc xã hội, cách thức ứng phó, từ đó đưa ra các suy luận tương đương làm căn cứ cho các đánh giá và kết luận.

Xét về mặt xã hội tác động bao trùm nhất tự sự cố môi trường nói chung và do xả thải nói riêng là tác động trực tiếp đến việc quản lý trợ giúp xã hội của Việt Nam.

Các sự cố môi trường do xả thải có thể đem đến các hậu quả như:

- Ô nhiễm nước: Suy giảm hệ miễn dịch, dân trí thụt lùi, nghèo đói
- Ô nhiễm không khí: bệnh phổi, mắt, da liễu
- Ô nhiễm đất: ung thư (chì, crom, xăng dầu), rối loạn bẩm sinh, bạch cầu, mệt mỏi, phát ban...

⁴⁴ Ngân hàng thế giới (2017) - GFDRR. *Hướng tới quản lý rủi ro thiên tai tích hợp tại Việt Nam.*

- Ô nhiễm không khí: 20% người chết do ô nhiễm từ bụi ($2,5\text{microgr}/\text{m}^3$) cao gấp 4 lần tai nạn giao thông. Số liệu thống kê của TP.HCM cho thấy có 3.000/40.000 người bị.

Theo đánh giá của ngân hàng Thế giới, Việt Nam có thể phải chịu tổn thất ô nhiễm môi trường lên tới 5.5% GDP mỗi năm. Thiệt hại qua mất việc làm và giá trị mạng sống ước tính 5 tỷ VNĐ/người, 0.9 – 1.42% GDP. Ngoài ra mỗi năm Việt Nam thiệt hại 780 triệu USD trong các lĩnh vực sức khỏe cộng đồng vì ô nhiễm môi trường⁵. 1/3 dân số Việt Nam đang nằm trong nhóm nghèo hoặc cận nghèo. Những nhóm này lại rất dễ bị tổn thương bởi các cú sốc về biến đổi khí hậu, thiên tai hoặc cú sốc về kinh tế và sức khỏe, là nguy cơ bất ổn cho an ninh trật tự và an toàn xã hội⁶. Khoảng 70% dân số tập trung ở các khu vực ven biển và đồng bằng châu thổ thấp trũng, phụ thuộc vào nguồn tài nguyên thiên nhiên cho sinh kế của họ.

Bảng 1: So sánh các vùng dễ bị tổn thương theo chỉ số dễ bị rơi vào nguy hiểm và về mức độ nhạy cảm

Chỉ số	NW	NE	PRD	NCC	SCC	CH	SE	MD
Mức độ nhạy cảm	3	2.13	1.5	2.13	1.75	2.75	1.875	2.25
Nghèo đói	4	3	2	4	2	4	1	2
Thiếu đa dạng sinh kế	4	4	2	4	3	4	2	2
Dân tộc thiểu số	4	3	0	1	1	4	1	2
Phụ nữ và trẻ em	4	3	1	2	3	3	1	2
Di cư	0	0	2	2	1	4	4	1
Cư dân thành thị	0	0	2	1	1	0	4	3
Giáo dục	4	3	1	2	2	2	1	3
Sức khỏe và vệ sinh	4	1	2	1	1	1	1	3

NW: miền núi Tây Bắc

NE: Miền núi Đông Bắc

RRD: Đồng bằng sông Hồng

NCC: Bắc Trung bộ

SCC: Nam Trung bộ

CH: Cao nguyên miền Trung

SE: Đông Nam

MD: Đồng bằng sông Cửu Long

⁵ <http://www.worldbank.org/vi/country/vietnam/overview>.

⁶ Ban Kinh tế Trung ương và Bộ Kế hoạch đầu tư. *Báo cáo diễn đàn kinh tế năm 2014*.

Nguồn: McElwee et al. (2010). The Social Dimensions and Adaptation to Climate change in Vietnam, Development and Climate Change Series, Discussion Paper No.17, World Bank.

Theo dữ liệu mà Cục Bảo trợ Xã hội cung cấp cho nghiên cứu gần đây về việc xây dựng hệ thống bảo trợ xã hội có khả năng ứng phó với các cú sốc cho thấy riêng thiệt hại do thiên tai gây ra đã là 145.068 tỷ đồng trong 8 năm 2010 – 2017 với 2.133 người thiệt mạng, 3.959 người bị thương, 37.106 ngôi nhà bị mất, 1.279.600 ha lúa bị ảnh hưởng, 966.100ha hoa màu bị ảnh hưởng.

Bảng 2: Thiệt hại do thiên tai gây ra tại Việt Nam, 2010 – 2017

Năm	Số người thiệt mạng	Số người bị thương	Nhà cửa hư hỏng, mất	Diện tích lúa bị ảnh hưởng (ha)	Diện tích hoa màu bị ảnh hưởng (ha)	Thiệt hại ước tính (tỷ đồng)
2010	355	600	578.849	80.000	74.000	11.700
2011	257	267	437.365	200.000	184.000	10.084
2012	269	440	386.678	220.000	157.000	7.043
2013	313	1150	851.393	134.000	174.000	30.000
2014	145	165	51.278	89.500	100.000	2.541
2015	157	199	31.000	63.800	33.300	5.400
2016	248	470	361.700	258.300	113.200	18.300
2017	389	668	588.100	234.000	130.600	60.000
Tổng	2.133	3.595	3.286.363	1.279.600	966.100	145.068

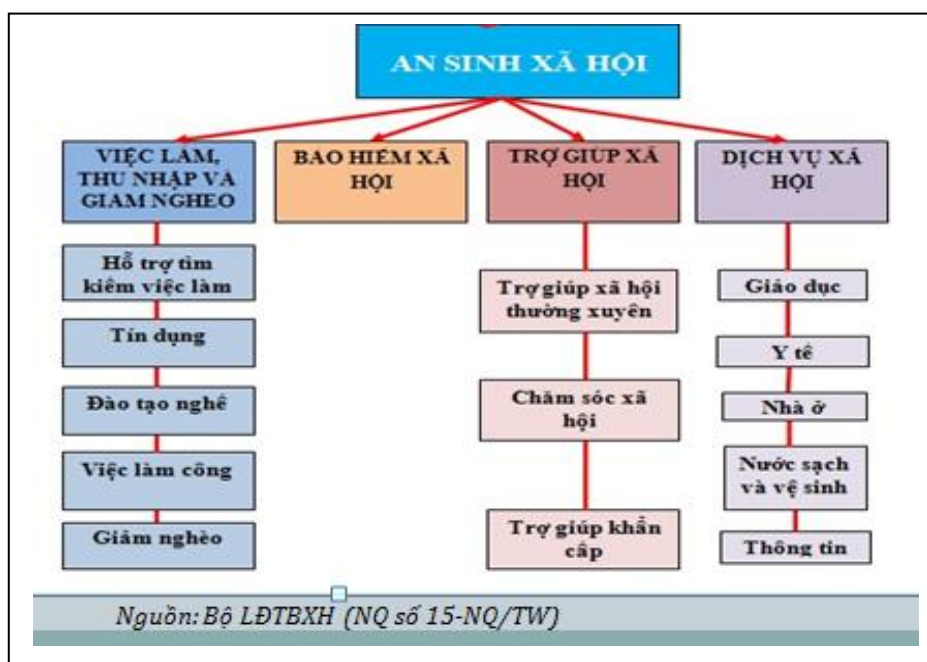
Nguồn: Cục Bảo trợ Xã hội, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Hàng năm, để ứng phó với cú sốc này, Bộ LĐTB&XH đã vận hành toàn bộ hệ thống trợ giúp xã hội Việt Nam bao gồm trợ cấp xã hội khẩn cấp, trợ cấp xã hội thường xuyên và chăm sóc xã hội⁷. Đây là một trong số hệ thống ứng phó chính thức của chính phủ để ứng phó hiệu quả hơn với các cú sốc ảnh hưởng đến tỷ lệ lớn dân số, các nhóm dân cư cùng một lúc, tập trung vào các cú sốc diện

⁷ Trợ giúp xã hội được chia thành 3 loại:

1. Trợ giúp xã hội ((thường xuyên) bao gồm một số công cụ hướng đến các nhóm đối tượng hưởng thụ khác nhau.
2. Chăm sóc xã hội và công tác xã hội cung cấp các dịch vụ không bao gồm hình thức trợ giúp bằng tiền mặt cho các nhóm dễ bị tổn thương, và
3. Trợ giúp xã hội khẩn cấp, cung cấp trợ giúp (tiền mặt và hiện vật) trong trường hợp khẩn cấp cụ thể.

rộng (cú sốc do thiên tai, chính trị hoặc kinh tế).



* Thứ nhất, tác động đến hoạt động trợ giúp xã hội

Từ năm 2010 – 2017, bằng nguồn ngân sách, hệ thống trợ giúp xã hội Việt Nam đã chi ứng phó 251 triệu USD cho 19.393.081 người bị đói, trợ giúp 423.295 tấn gạo cứu đói. 5.779 triệu đồng cho chi tiêu trợ giúp khẩn cấp từ chính phủ. Tuy nhiên số liệu này chưa tính đến chi phí phát sinh từ các bộ ngành khác cũng như những sự hỗ trợ được cung cấp thông qua các chủ thể phi chính phủ, các dự liệu về chi phí ứng phó trên phạm vi rộng hơn, ví dụ tác động đến tài sản nắm giữ và an ninh sinh kế, thiệt hại từ cách thức ứng phó đối với sức khỏe, giáo dục hoặc dinh dưỡng, hoặc các ảnh hưởng tâm lý xã hội

Bảng 3: Thống kê ứng phó với thiên tai gây ra tại Việt Nam, 2010 – 2017

Năm	Số người bị đói	Khối lượng gạo cứu đói (tấn)	Chi tiêu Trợ giúp khẩn cấp từ chính phủ (triệu đồng)
2010	1.831.484	76.066	1.065
2011	2.496.195	70.096	660
2012	1.951.042	42.905	547
2013	3.396.686	67.223	795
2014	1.886.106	28.045	335
2015	2.092.170	28.045	335

2016	3.475.644	67.394	1.025
2017	2.263.754	39.959	1.000
Tổng	19.393.081	423.295	5.779

Nguồn: Cục Bảo trợ Xã hội, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Số liệu trên là của những thiệt hại từ thiên nhiên, những cú sốc về môi trường - những hiện tượng không được báo trước, do đó việc xả thải nếu không được thông tin dự báo trước, chuẩn bị trước thì các thiệt hại và mức độ ước tính xảy ra cũng tương đương như sóng thần, núi lửa, bão lụt, nắng hơn sạt lở, sâu bệnh vì việc xả thải ảnh hưởng mang tính lâu dài tới tất cả môi sinh. Với số liệu trên cho thấy nếu thêm những chi phí cho việc ứng phó với sự cố xả thải, và ứng phó trong điều kiện thụ động, thiếu thông tin sẽ làm tăng gánh nặng chi ngân sách nhà nước lên rất nhiều, số lượng người rơi vào nghèo đói cũng sẽ tăng tạo áp lực cho giải quyết việc làm, an ninh sinh kế, sức khỏe, giáo dục, v.v.v.

Một phân tích kinh tế năm 2018 cho thấy rằng liên quan đến hỗ trợ nhân đạo điển hình, một hoạt động nhân đạo sớm sẽ tiết kiệm được khoảng 2.5 tỷ USD chi phí viện trợ nhân đạo trong khoảng thời gian 15 năm. Các khoản trợ giúp xã hội được tính toán là tiết kiệm 3.5 tỷ USD so với chi phí của các hoạt động hỗ trợ khẩn cấp muộn màng, hoặc trung bình 231 triệu USD mỗi năm. Một kịch bản kết hợp xây dựng khả năng phục hồi (phản ứng nhân đạo sớm + trợ giúp xã hội) được tính toán là tiết kiệm 4.3 tỷ USD, hoặc trung bình là 287 triệu USD mỗi năm. Nói cách khác, mỗi 1 USD chi cho việc trợ giúp xã hội hoặc lập trình khả năng phục hồi sẽ dẫn đến tiết kiệm ròng từ 2.3 USD đến 3.3 USD tương ứng⁸. Một gói hoạt động nhân đạo và chuyển giao xã hội sớm thì có hiệu quả hơn 30% so với viện trợ nhân đạo điển hình ở Châu Phi. Tổng mức đầu tư cần thiết cho ứng phó và hồi phục khẩn cấp có thể đầu tư vào khả năng phục hồi trong 25 năm liên tiếp⁹.

Trên thực tế các hoạt động trợ giúp khẩn cấp thường được đánh giá là không có tính phù hợp, kịp thời và đầy đủ do nguyên nhân từ việc thiếu thông tin, thông tin không chính xác từ các sự cố, các bên liên quan, hiện trạng... Điều này làm cho chất lượng TGXH không hiệu quả, lãng phí. Tại một số khu vực quá trình ngân sách có thể lên đến 10 bước để tiếp cận quỹ dự phòng¹⁰.

** Thứ hai, tác động đến hệ thống trợ cấp xã hội*

Việc thiếu các thông tin để ứng cứu hoặc khi các sự cố xả thải gây ra hoàn

⁸ Cabot – Vention et al. (2018). Economics and Resilience to Drought, Ethiopia, Kenya and Somalia, Case Study, USAID.

⁹ Potter et al. (2017). Efficiency and inefficiency Humanitarian Financing, USAID.

¹⁰ Phòng vấn doanh nghiệp X tại Hội thảo tại TP. HCM, ngày 13/6/2019.

toàn làm gia tăng chi phí trợ cấp xã hội thôi thiêu vốn đã chiếm 12.948 tỷ đồng trong ngân sách nhà nước hàng năm. Mỗi công cụ trợ cấp xã hội trong bảng dưới đây là một kế hoạch trọng tâm của chính phủ, sẽ được triển khai trên toàn quốc. Chính quyền cấp tỉnh có thể điều chỉnh tăng mức trợ cấp từ nguồn ngân sách của tỉnh. (Xem bảng 4 tổng hợp thông tin trợ cấp xã hội tại Việt Nam dưới đây).

Theo cách phân chi loại hình, đối tượng, nội dung và tiêu chí nhận trợ cấp có thể thấy, nếu các tác hại của việc xả thải không được tính đến, cảnh báo trước để ngăn chặn thì sự cố xả thải hoàn toàn có thể làm gia tăng các đối tượng nhận trợ cấp. Ở trên cũng cho thấy vùng duyên hải miền Trung là vùng có độ nhạy cảm cao với những tác động từ các cú sốc môi trường. Tình trạng nghèo đói, thiếu đa dạng sinh kế hay những ảnh hưởng tiêu cực đến phụ nữ và trẻ em đều có mức độ nhạy cảm ở mức cao nhất 4/4. Trường hợp như FORMOSA làm mất cơ hội sinh kế của hàng chục nghìn người dân bám biển, điều đó làm mất đi thu nhập gia đình, kéo theo nhiều hộ rơi vào nghèo đói, trong đó có các hộ độc thân, các hộ có người khuyết tật; trẻ em có nguy cơ nghỉ học. Những tác động này chắc chắn sẽ làm gia tăng không nhỏ các chi phí trợ cấp của Chính phủ.

** Thứ ba, tác động đến dịch vụ hỗ trợ và chăm sóc xã hội*

Hiện nay, các dịch vụ chăm sóc xã hội hiện được vận hành bằng mạng lưới các trung tâm bảo trợ xã hội trên toàn quốc với 393 đơn vị (213 đơn vị điều hành công khai và 180 đơn vị được quản lý bởi các đơn vị ngoài quốc doanh, phụ vụ cho khoảng 41.500 người, bao gồm các nhóm dân số sau: 156 đơn vị cho trẻ em; 134 đơn vị hỗ trợ cho các nhóm dễ bị tổn thương; 27 đơn vị cho người khuyết tật; 26 đơn vị cho người có vấn đề về sức khỏe tâm thần; 13 đơn vị cho người cao tuổi và 37 trung tâm công tác xã hội nói chung.

Các dịch vụ hỗ trợ và chăm sóc không bắt buộc phải tham gia vào việc ứng phó với các cú sốc nhưng hậu quả của các cú sốc, từ sự cố môi trường xả thải gây ra sẽ làm gia tăng khối lượng công việc của mạng lưới này, ví dụ như nhu cầu hỗ trợ tâm lý xã hội cho những người bị ảnh hưởng bởi cú sốc hoặc cho trẻ em bị ảnh hưởng bởi cú sốc.

➤ Tác động đến trẻ em, phụ nữ, giáo dục và y tế:

Tầm quan trọng của nhu cầu này được phản ánh trong các khuôn khổ toàn cầu cho thấy cần phải có các hệ thống bảo trợ xã hội tích hợp hỗ trợ trẻ em và giải quyết nhu cầu trong trường hợp bị sốc, bao gồm các dịch vụ hỗ trợ và chăm sóc xã hội. Kết hợp các dịch vụ bổ sung có thể coi là một cách tiếp cận hiệu quả cao để giải quyết các tình trạng nguy hiểm đa dạng và phức tạp mà trẻ em và các gia đình phải đối mặt¹¹. Các nguy cơ trực tiếp từ các cú sốc và tác động tiềm tàng của

¹¹ UNICEF (2012). *Hệ thống trợ giúp xã hội tích hợp: Tăng cường công bằng cho trẻ em. Khung chiến lược bảo trợ xã hội của UNICEF.*

Bảng 4: Tổng hợp thông tin trợ cấp xã hội tại Việt Nam

Đối tượng và nội dung trợ cấp	Đơn vị chịu trách nhiệm	Tiêu chí lựa chọn	Số lượng người nhận	Mức trợ cấp (VND/tháng)	Chi phí (tỷ VND)
TRẺ EM					
TE mồ côi, bị bỏ rơi, không được nuôi dưỡng	Bộ LĐTBXH	Không có sự hỗ trợ của cha mẹ, dưới 16 tuổi hoặc tuổi từ 16 – 22 và đang đi học	49.236	650.000 (< 4 năm) 405.000 (> 4 năm)	106
Gia đình nhận nuôi trẻ mồ côi	Bộ LĐTBXH	Hộ gia đình đã nhận nuôi trẻ em vô gia cư hoặc bị bỏ rơi	18.615	540.000	61
Người độc thân chăm sóc trẻ nhỏ	Bộ LĐTBXH	Gia đình thuộc danh sách hộ nghèo	125.062	270.000/1 trẻ 540.000/2 trẻ trở lên	228
Trợ cấp	Bộ LĐTBXH	Trẻ em đi học thuộc danh sách hộ nghèo	1.021.000	70.000	3.800
Trợ cấp trung học (Nghị định 12)	Bộ LĐTBXH	Trẻ em dân tộc thiểu số và trẻ em nghèo dân tộc kinh Trung học	462.000	460.000	1.113
Trợ cấp Trường Nội trú	Bộ LĐTBXH		426.000	115.000	
NGƯỜI TRONG ĐỘ TUỔI LAO ĐỘNG					

Trợ giá điện	Bộ LĐTBXH	Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo	2.000.000	49.000	2.100
Trợ cấp HIV/AIDS	Bộ LĐTBXH	Không thể lao động, không nhận được trợ cấp khác và thuộc danh sách hộ nghèo	3.979	625.000	269
NGƯỜI KHUYẾT TẬT					
Quyền lợi của người khuyết tật	Bộ LĐTBXH	Khuyết tật, không có khả năng lao động	745.265	270.000	1.473
Bệnh tâm thần nghiêm trọng	Bộ LĐTBXH	Được chẩn đoán là bị bệnh tâm thần nghiêm trọng	174.254	270.000	420
Gia đình có hai người trở lên bị khuyết tật nghiêm trọng	Bộ LĐTBXH	Khuyết tật, không có khả năng lao động	22.939	540.000	112
NGƯỜI CAO TUỔI					
Trợ cấp cho người trên 80 tuổi	Bộ LĐTBXH	Tất cả những người trên 80 tuổi mà không nhận trợ cấp khác	1.350.226	270.000	2.779
Trợ cấp cho người cao tuổi không nơi nương tựa	Bộ LĐTBXH	Thuộc danh sách hộ nghèo và không nơi nương tựa	207.421	405.000	487

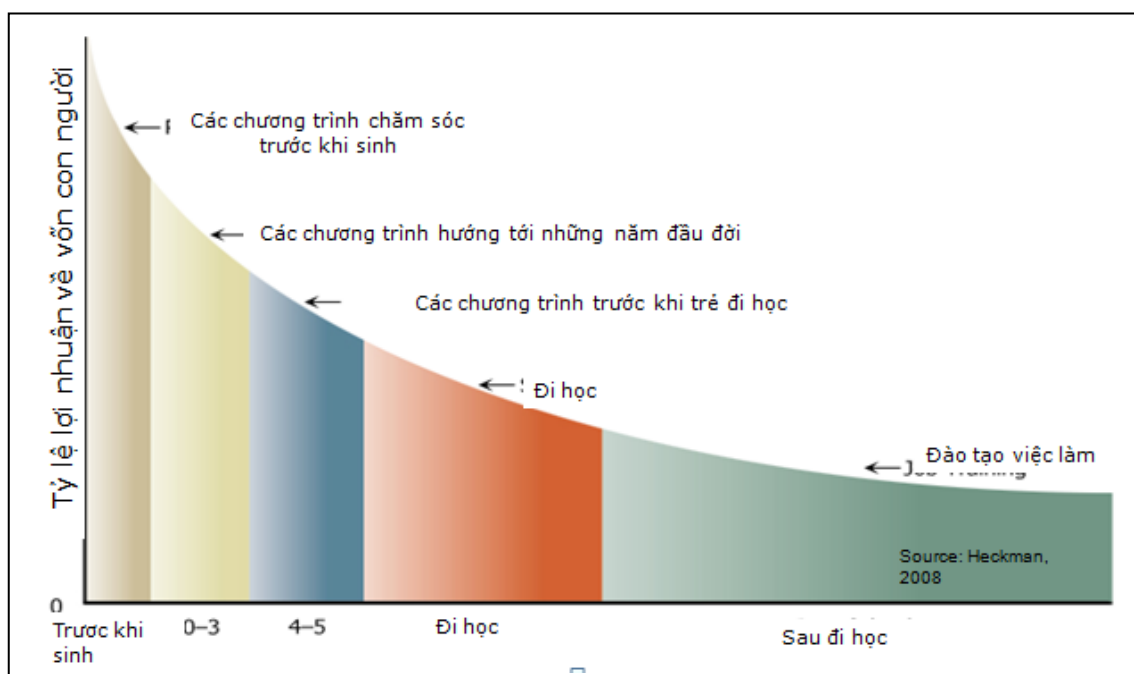
Nguồn: Kid và cộng sự (2016). Trợ giúp xã hội Việt Nam: đánh giá và đề xuất cải cách.

các chiến lược đối phó tiêu cực đối với trẻ em cũng đặt ra yêu cầu sát sao về các dịch vụ xã hội đối phó với các cú sốc phải thật hiệu quả. Để hoạt động hiệu quả, các trung tâm phải chuẩn hóa các kế hoạch hoạt động, nâng cao chất lượng tuyển dụng, đào tạo thêm nhân viên xã hội.v.v...

Dữ liệu và thông tin có chất lượng về tác động của sự cố môi trường nói chung và đặc biệt dữ liệu liên quan đến trẻ em còn nghèo nàn, rời rạc và thường không được phân tích ở cấp trung ương và địa phương¹². Các số liệu về sự cố môi trường do xả thải gần như không có. Việc thiếu dữ liệu chất lượng khiến việc đưa ra bức tranh toàn cảnh về tình trạng dễ bị tổn thương của trẻ em trong các tình huống khẩn cấp do sự cố môi trường tại Việt Nam trở nên khó khăn hơn. Tuy nhiên việc quản lý nhu cầu của trẻ em khi thiên tai hay các cú sốc môi trường xảy ra thì có rất nhiều báo cáo của UNICEF đã thực hiện và ghi nhận nhiều kinh nghiệm. Thiệt mạng, thương tích cũng như các bệnh liên quan đến suy dinh dưỡng, nước và vệ sinh kém ảnh hưởng trực tiếp đến trẻ em – những vấn đề này trầm trọng hơn khi các sự cố môi trường, thiên tai xảy ra. Khi đó, các cú sốc làm gián đoạn cung cấp các dịch vụ cơ bản thiết yếu như giáo dục và có thể gây sang chấn tâm lý. Thảm họa cũng có thể khiến trẻ em phải xa lìa gia đình và khiến chúng dễ gặp phải nguy cơ bị buôn bán, bóc lột và lạm dụng hơn¹³.

Các khoản đầu tư trước khi sinh và thời thơ ấu thì vốn nhận thức tạo ra lợi nhuận cao nhất.

Biểu đồ 1: Tỷ lệ lợi nhuận đầu tư cho con người



¹² MARD/UNICEF (2017b). Giảm thiểu rủi ro thảm họa để tăng khả năng chống chịu tập trung lấy trẻ em là trung tâm trong giai đoạn 2017 – 2021. Hà Nội, tháng 10/2017.

¹³ MARD/UNICEF (2017b). Giảm thiểu rủi ro thảm họa để tăng khả năng chống chịu tập trung lấy trẻ em là trung tâm trong giai đoạn 2017 – 2021. Hà Nội, tháng 10/2017.

Theo nghiên cứu của UNICEF năm 2010 cho thấy các nguyên nhân khiến trẻ dễ bị tổn thương từ các tình huống khẩn cấp, cú sốc từ sự cố môi trường như:

Dinh dưỡng: Trên toàn cầu, hơn 1/3 số ca tử vong < 5 tuổi là do suy dinh dưỡng cấp tính nghiêm trọng có nguy cơ tử vong cao gấp 9 lần so với một đứa trẻ được nuôi dưỡng tốt. Thiếu hụt vi chất dinh dưỡng đối với phụ nữ và trẻ sơ sinh gây ra những hậu quả có hại bao gồm: nguy cơ tử vong ở mẹ cao hơn khi sinh con, sinh ra đứa trẻ thiếu cân hoặc suy yếu về tinh thần, sức khỏe và sự phát triển của trẻ bú mẹ kém. Đối với trẻ nhỏ, thiếu vi chất dinh dưỡng làm tăng nguy cơ tử vong do bệnh truyền nhiễm suy giảm sự phát triển thể chất và lẫn tinh thần. Sự gián đoạn trong việc tiếp cận thực phẩm trong trường hợp khẩn cấp làm gia tăng các vấn đề dinh dưỡng.

Sức khỏe: Trong giai đoạn ngay sau khi sự cố xảy ra, các nguyên nhân trực tiếp chẳng hạn như thương tích hoặc bạo lực có thể gây ra số lượng tử vong đáng kể. Trong các tình huống nhân đạo kéo dài, hầu hết các trường hợp tử vong có nguyên nhân xuất phát từ các tình trạng sức khỏe phổ biến trong cộng đồng như suy dinh dưỡng, viêm phổi, tiêu chảy, sốt rét, sỏi và nguyên nhân trẻ sơ sinh gây ra. Bằng chứng thực tiễn cho thấy tiêu chảy là một trong những nguyên nhân hàng đầu gây tử vong và bệnh tật cho trẻ sau khi xảy ra các sự cố môi trường. Các đợt khủng hoảng này đều đẩy lùi sự tăng trưởng và phát triển.

Nguồn: UNICEF (2010). *Các cam kết cốt lõi cho trẻ em trong các tình huống nhân đạo khẩn cấp*.

Các mối hiểm họa từ sự cố môi trường khiến các tổn thương trở nên trầm trọng hơn và làm gia tăng tình trạng bất bình đẳng về các mặt dinh dưỡng, sức khỏe, giáo dục, bảo vệ trẻ em và bảo trợ xã hội ở trẻ em¹⁴. Các tác động này có thể được phân nhóm như sau:

- *Tổn thương về thể chất:* với tỷ lệ tử vong và thương tích cao hơn, dễ bị tổn thương hơn trước các bệnh lây truyền qua côn trùng và môi trường nước, suy dinh dưỡng, nhiễm trùng hô hấp và cấp tính và các bệnh khác.
- *Tác động về tâm lý* – bao gồm căng thẳng, nguy cơ sang chấn lâu dài và thiếu sự chăm sóc của cha mẹ.
- *Gián đoạn các dịch vụ thiết yếu cho sự phát triển của trẻ* - ví dụ như giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe trẻ em và hỗ trợ xã hội.
- *Gia tăng các thách thức về bảo vệ trẻ em* - ví dụ lao động trẻ em và nguy cơ trẻ em bị lạm dụng tình dục.
- *Năng lực phát triển* – phụ thuộc nhiều hơn vào cha mẹ, giáo viên và những người chăm sóc khác để tồn tại và phát triển, đặc biệt là trong

¹⁴ MARD/UNICEF (2017a). Lưu ý về tầm nhìn và định vị: Chương trình lấy trẻ em làm trung tâm và thông báo trước rủi ro tại Việt Nam.

những năm đầu đời.

- *Đối phó với sự bất định, thay đổi, thiếu vắng cha mẹ* - ví dụ di cư theo mùa hoặc tạm thời là một phần của cách thức ứng phó hoặc thích nghi của gia đình.
- *Tiếng nói và cơ quan đại diện hạn chế* trong công tác lập kế hoạch, chuẩn bị sẵn sàng, ứng phó và giảm thiểu rủi ro.
- *Thiếu công bằng, hoặc không bình đẳng giữa các thế hệ* - trong đó người lớn đưa ra các quyết định và hành động với các tác động lâu dài mà không có sự tham gia của trẻ em.

Một cách khác để hiểu rõ tình trạng dễ bị tổn thương của trẻ em khi khủng hoảng từ sự cố môi trường xảy ra là tác động của những cú sốc này tới quyền lợi, sự bảo vệ và nhu cầu tâm lý xã hội của trẻ em:

- *Quyền trẻ em*: các cuộc khủng hoảng do sự cố môi trường xảy ra ảnh hưởng đến quyền trẻ em về sinh tồn, phát triển, bảo vệ và tham gia. Các tình huống khẩn cấp phức tạp có thể làm suy yếu các hệ thống chăm sóc sức khỏe ban đầu và cơ sở hạ tầng vật lý, gây rủi ro về mặt dinh dưỡng, sức khỏe và giáo dục trẻ em¹⁵.
- *Bảo vệ trẻ em*: Khi các tình huống khẩn cấp xảy đến, trẻ em cần được bảo vệ đặc biệt để đảm bảo an toàn và sức khỏe. Các trường hợp khẩn cấp, khởi phát nhanh từ sự cố môi trường dẫn tới việc trẻ em bị tách khỏi gia đình và người chăm sóc trong tình trạng hỗn loạn, đảo lộn cuộc sống. Các hệ thống bảo vệ trẻ em, bao gồm luật pháp, chính sách, quy định và dịch vụ trong tất cả các lĩnh vực xã hội, đặc biệt là phúc lợi xã hội, giáo dục, y tế và an ninh bị suy yếu và gián đoạn. Thay đổi chỗ ở và rời xa gia đình và cộng đồng có thể làm tăng nguy cơ phụ nữ và đặc biệt là trẻ em gái bị bạo hành và lạm dụng.
- *Nhu cầu tâm lý xã hội của trẻ em*: xung đột và các sự cố, cú sốc môi trường ảnh hưởng đáng kể đến sự phát triển và hạnh phúc tâm lý xã hội của trẻ em. Nguy cơ đối diện với bạo lực, thảm họa, mất (hoặc chia cắt) các thành viên gia đình, bạn bè, điều kiện sống xấu đi, không thể tự chăm sóc bản thân và gia đình cũng như thiếu khả năng tiếp cận các dịch vụ có thể dẫn tới những hậu quả trước mắt và lâu dài cho trẻ em, gia đình và cộng đồng và suy giảm khả năng phát triển và hoàn thiện bản thân của trẻ¹⁶.

Sau các sự cố môi trường do xả thải, phụ nữ mang thai và trẻ em dưới 5 tuổi, đặc biệt ở những vùng khó khăn bị ảnh hưởng rất lớn và trực tiếp. Các vấn

¹⁵ UNICEF ERPRO (2018). Sử dụng dịch vụ bảo trợ xã hội để tăng khả năng chống chịu trước những cú sốc và rủi ro khí hậu cho trẻ em Đông Nam Á và Thái Bình Dương. Tài liệu phân tích kinh tế và chính sách xã hội của UNICEF EARPRO tháng 11 năm 2018.

¹⁶ UNICEF ERPRO (2018). Sử dụng dịch vụ bảo trợ xã hội để tăng khả năng chống chịu trước những cú sốc và rủi ro khí hậu cho trẻ em Đông Nam Á và Thái Bình Dương. Tài liệu phân tích kinh tế và chính sách xã hội của UNICEF EARPRO tháng 11 năm 2018.

đề suy dinh dưỡng và thiếu vi chất cũng như các dự báo xu hướng dinh dưỡng là việc luôn được tập trung trong quá trình xử lý sự cố. Các kế hoạch sau thảm họa tập trung vào dinh dưỡng để phục hồi, tuân theo hướng dẫn về dinh dưỡng trong các tình huống khẩn cấp. Mặc dù việc đảm bảo đủ ngân sách để thực hiện các kế hoạch này vẫn còn là thách thức.

Việc thiếu thông tin về thảm họa có thể khiến cho các dịch vụ y tế cho các nhóm dễ bị tổn thương trong các trường hợp khẩn cấp hoạt động không hiệu quả. Ví dụ như: khi sự cố xảy ra liên lạc có thể khó khăn khi điện, internet, điện thoại ngừng hoạt động có thể làm việc đánh giá thiệt hại phức tạp hơn, dẫn đến ước tính thiệt hại sai lệch, hạn chế việc triển khai các kỹ năng hiện trường trong cung cấp dịch vụ, chăm sóc phụ nữ và trẻ em.v.v..., làm tăng nguy cơ mắc bệnh, dự trữ thuốc và thiết bị cơ bản.

Kinh nghiệm của Bộ Y tế cho thấy dinh dưỡng 2 – 3 tuần sau thảm họa rất quan trọng. Suy dinh dưỡng cấp tính tăng từ 2 tuần đến 1 tháng sau thảm họa và có thể rất nghiêm trọng. Suy dinh dưỡng cấp tính ở mức độ 9 – 14% được coi là đáng báo động và hơn 14% được coi là trường hợp khẩn cấp về dinh dưỡng. Mức độ suy dinh dưỡng ở Nghệ An do ảnh hưởng của FORMOSA là gần 10%¹⁷.

Trong thực tế, hầu hết trẻ em sau các cú sốc thiên tai trở lại trường học với tỷ lệ bỏ học 1-2%¹⁸. Nghị định 86 cho phép hỗ trợ học phí trong 3 hoặc 6 tháng nhưng trên thực tế rất ít tình áp dụng do hạn chế ngân sách, tiền trợ cấp cũng được nhận rất muộn thường sau 1 kỳ học.

➤ Tác động đến an ninh sinh kế:

Một thách thức căn bản mà các hộ gia đình ở nhiều quốc gia phải đối mặt là làm thế nào để duy trì chi tiêu khi gặp phải những cú sốc do sự cố môi trường gây ra nói chung. Những cú sốc như vậy có thể ảnh hưởng đến phúc lợi của các hộ gia đình khi ảnh hưởng tiêu cực đến thu nhập, của cải hiện có, sức khỏe và cuộc sống ổn định của các thành viên trong gia đình¹⁹. Các cộng đồng nông thôn, đối mặt nguy cơ đặc biệt từ các sự cố và thiên tai, đặc biệt là ở những vùng nghèo khó hơn, vùng có mức độ nhạy cảm cao (Bảng 2). Người nghèo có xu hướng sống ở những nơi nguy hiểm hơn và tại những ngôi nhà dưới tiêu chuẩn, những người có điều kiện tài chính thấp hơn cũng có khả năng ứng phó thấp hơn trước thiên tai và các cú sốc môi trường²⁰.

Các hộ gia đình ứng phó với các cú sốc do sự cố môi trường gây ra thông qua cách thức ứng phó, đó là các phương thức được đưa ra nhằm mục đích giảm

¹⁷ Phòng vấn cán bộ Bộ Y tế, 18/6/2019.

¹⁸ Phòng vấn cán bộ Bộ Giáo dục, đào tạo, 16/6/2019.

¹⁹ DERG/CIEM?CAP (2012). *Chiến lược giải quyết các cú sốc về thu nhập và rủi ro trong hộ gia đình: Vai trò của Bảo hiểm chính thức ở vùng Nông thôn Việt Nam. Tóm tắt chính sách năm 2012.*

²⁰ <http://www.worldbank.org/vi/country/vietnam/overview>.

bớt tác động của rủi ro khi rủi ro xảy ra. Các cách thức ứng phó giúp đỡ các gia đình chế ngự các cú sốc theo hướng giảm nhẹ các ảnh hưởng của các cú sốc này và làm tăng khả năng chống chịu của họ. Tuy nhiên, các gia đình không phải lúc nào cũng làm được điều này, các chiến lược ứng phó cũng có thể gây ảnh hưởng tiêu cực trong cả ngắn và dài hạn.

Các cách thức ứng phó điển hình mà các hộ gia đình áp dụng khi có cú sốc xảy ra thường là:

- *Giảm mức thực phẩm tiêu thụ*: Điều này giúp giảm lượng thực phẩm tiêu thụ hàng ngày để còn thức ăn hoặc tiền trong một khoảng thời gian dài hơn. Theo đó, trẻ em có khả năng bị ảnh hưởng tiêu cực do giảm lượng thức ăn dưới mức yêu cầu của chúng, gây tác động lâu dài đến cân nặng, tăng trưởng và phát triển; ảnh hưởng đến các bà mẹ đang mang thai và cho con bú và con cái của họ; tác động không tương xứng đến các bé gái khi các bé trai được nuôi nấng tốt hơn.

- *Thay đổi loại thực phẩm tiêu thụ*: Điều này thường liên quan đến việc chuyển từ thực phẩm đắt tiền sang thực phẩm rẻ tiền và ít được ưa chuộng hơn ví dụ như từ gạo sang ngô hay từ thịt sang rau để kéo dài các nguồn lực có sẵn lâu hơn. Theo đó giá trị dinh dưỡng sẽ thay đổi thấp hơn, thiếu sự đa dạng thực phẩm, dẫn đến các vấn đề về suy dinh dưỡng.

- *Sử dụng tiền tiết kiệm để chi trả chi phí*: Tiết kiệm tích lũy có thể được lấy ra sử dụng khi cần để chi trả cho các nhu yếu phẩm, làm giảm số tiền tiết kiệm có được, cũng đồng nghĩa với việc giảm sự đảm bảo trong tương lai. Ví dụ như các chi tiêu cho chăm sóc sức khỏe, đầu tư cho giáo dục sẽ giảm.

- *Giảm chi phí như học phí, chi phí y tế*.

- *Bán các tài sản gia súc, nhà cửa, đất đai*: Cách thức này được áp dụng để tận dụng các nguồn vốn nhằm đáp ứng các nhu cầu cơ bản. Một số các tài sản – ví dụ như trang súc – khi bán đi sẽ không ảnh hưởng xấu đến triển vọng sinh kế trong tương lai. Nhưng các tài sản khác như gia súc hay đất đai có thể gia tăng ảnh hưởng lên chu kỳ đói nghèo trong tương lai.

- *Nhận các hình thức tín dụng không chính thức*: Các khoản vay không chính thức, nếu trên nền tảng thương mại thường có lãi suất cao. Điều này dẫn đến vấn đề trả nợ trong dài hạn, điều này một lần nữa dẫn đến nguy cơ áp dụng thêm các cách thức ứng phó tiêu cực khác.

- *Nhận hỗ trợ trực tiếp không chính thức như thực phẩm hoặc tiền từ xã hội*: Gia đình, bạn bè, hàng xóm có hoàn cảnh tốt hơn có thể hỗ trợ trực tiếp trên cơ sở tặng quà hoặc đền đáp.

- *Nhận tín dụng chính thức*: Hình thức này tuân theo các nguyên tắc nhận nợ thông thường và người vay cần phải trả nợ. Điều này có thể là rủi ro cho các hộ gia đình khó khăn hoặc chịu cú sốc nghiêm trọng. Rủi ro về chi phí vay cao và những khó khăn khi trả nợ sau đó có thể dẫn đến các vấn đề liên quan đến cả gia

đình.

- *Nhận hỗ trợ trực tiếp từ các chủ thể nhà nước hoặc tư nhân*: Ví dụ cung cấp thực phẩm, chuyển tiền hoặc các vật dụng cần thiết khác. Việc này là tác động đến mức độ dinh dưỡng hàng ngày thiếu chủ động theo hướng có gì dùng nấy, khiến cho sự mất cân bằng về dinh dưỡng.

- *Nhận việc làm thêm, thường là lao động tính công* : Đây là cách thức khả thi, quan trọng nhất dù năng suất trong giai đoạn này sẽ giảm. Điều này có thể kéo dài thời gian cha mẹ vắng nhà, đặt thêm gánh nặng cho người chăm sóc trẻ em, hoặc trẻ em sẽ phải đi làm hoặc đảm nhận thêm các công việc trong gia đình. Trong trường hợp này rủi ro có thể liên quan đến an toàn, an ninh, trẻ phải nghỉ học hoặc các vấn đề khác.

- *Di cư, sống xa nhà*: Cách thức này diễn ra phổ biến, giúp các hộ gia đình kiếm tiền trang trải các nhu cầu thiết yếu và phục hồi, đồng thời giúp tránh các cách thức đối phó tiêu cực. Tuy nhiên điều này cũng có thể gây ra những tác động tiêu cực gián tiếp khác tới gia đình và trẻ em. Ví dụ như: trẻ em khi di cư cùng cha mẹ phải chịu chi phí và khó khăn đáng kể, đồng thời gặp phải những tình huống nguy hiểm. Giao trẻ em cho người khác trông coi cũng dẫn đến nguy cơ trẻ em không được chăm sóc đầy đủ, ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái nhất là những trẻ lớn có nhu cầu chăm sóc phức tạp hơn từ cha mẹ²¹.

- *Thay đổi tập quán sản xuất, kiếm sống*: Điều này đòi hỏi nhiều kỹ năng làm việc và khả năng thích ứng môi trường làm việc.

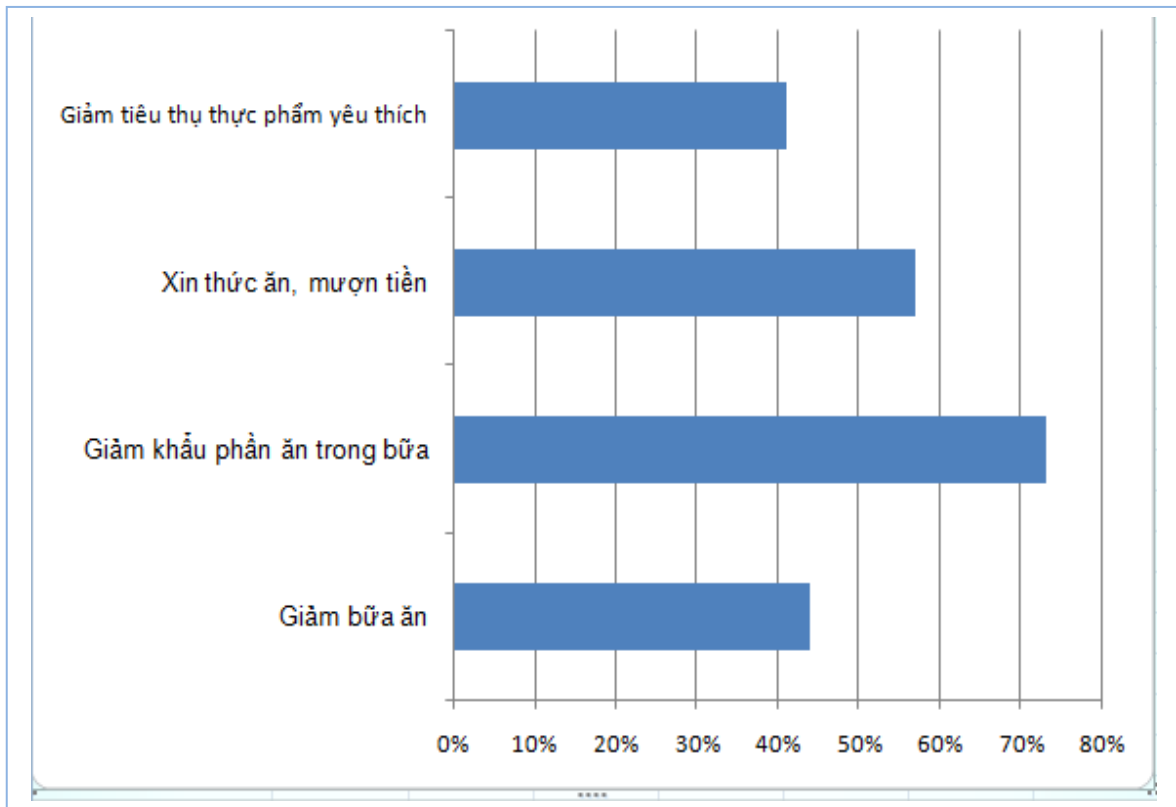
- *Nhận tiền bảo hiểm*: Cách thức này chỉ diễn ra ở các gia đình có thu nhập khá, có hoàn cảnh tốt hơn và ở những nơi có dịch vụ cung cấp bảo hiểm.

Với các cách thức ứng phó trên các hộ gia đình có cách thức ứng phó tốt (như tiết kiệm, tín dụng, bán tài sản dư thừa, làm thêm, di cư, hỗ trợ từ bạn bè, người thân, thành viên cộng đồng và mạng lưới an sinh xã hội... là những hình thức có sự chuẩn bị trước) sẽ có khả năng phục hồi tốt hơn các hộ gia đình áp dụng các cách ứng phó “xấu” (như các ứng phó làm gia tăng tính bị tổn thương, ảnh hưởng đến chi phí cho sức khỏe, giáo dục, giảm tiêu thụ...)²².

²¹ Lock và cộng sự (2010). Ý nghĩa về chính sách của các chiến lược gia đình của lao động nông thôn ra thành thị có thu nhập thấp trong những năm có tỷ lệ sinh cao nhất ở Việt Nam.

²² Heltbert và cộng sự (2013). Nguồn rủi ro là gì và đối phó như thế nào? Hiểu biết sâu sắc từ các cuộc điều tra hộ gia đình ở 16 quốc gia. Báo cáo phát triển thế giới 2014.

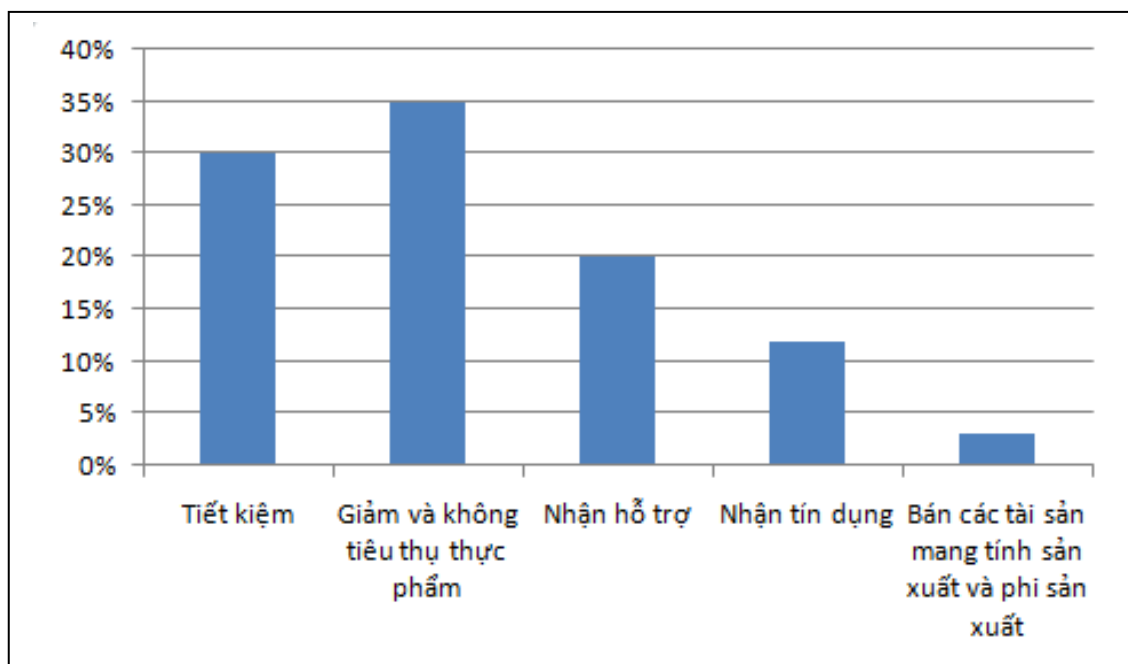
Biểu đồ 2: Các cách thức ứng phó dựa trên thực phẩm thông qua quan sát tại Việt Nam



Nguồn: Tổ chức lương thực và nông nghiệp Liên Hiệp quốc (FAO) (2016).

Theo kết quả cuộc khảo sát Mức sống hộ gia đình năm 2008 mang tính đại diện quốc gia thông qua phân tích dữ liệu từ 45.000 hộ gia đình ở Việt Nam cho thấy tần suất áp dụng các cách thức ứng phó trước các cú sốc khác nhau ở Việt Nam như sau:

Biểu đồ 3: Các lựa chọn cách thức ứng phó trước các cú sốc ở Việt Nam



➤ Tác động đến tâm lý xã hội:

Việc thiếu công khai, minh bạch và kịp thời về các thông tin ứng phó – xử lý và ứng cứu thời gian vừa qua đã tạo ra những hệ lụy gây tác động đến sinh kế của cộng đồng dân cư, theo đó, tạo ra những bất ổn về mặt tâm lý xã hội. Các hiện tượng quá khích, đình công bất hợp pháp, rủ rê lao động bỏ việc, đập phá cơ sở vật chất của các cơ sở sản xuất, kinh doanh... đã xảy ra đem đến những thiệt hại về vật chất và về tinh thần cho xã hội.

3.4.2 Phương án 2: Quy định rõ việc cung cấp thông tin và truyền thông về quá trình ứng phó, cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố.

a. Tác động tích cực:

Đưa thông tin trung thực, kịp thời, đến đúng đối tượng cần là cộng đồng dân cư là hết sức cần thiết để thực hiện việc minh bạch hóa thông tin, hạn chế tối đa các dư luận không đúng, xấu ảnh hưởng đến tâm lý cộng đồng, xã hội. Điều này giúp được cộng đồng dân cư biết được chính xác những gì đang diễn ra và phải có hành động cụ thể nào để hạn chế tác động của sự cố môi trường đến bản thân, gia đình và môi trường. Như vậy, lợi ích của việc thông tin, truyền thông về ứng phó sự cố môi trường, cải tạo, phục hồi môi trường là rất lớn, giảm thiểu các tác động tiêu cực hiện nay (như đã phân tích ở phương án 1):

+ Ổn định tâm lý cộng đồng do sự minh bạch thông tin đem lại và tạo ra niềm tin trong cộng đồng, xã hội đối với các hoạt động ứng phó, khắc phục sự cố môi trường.

+ Giúp người dân định hướng được nhận thức và hành động trong ứng phó, khắc phục sự cố môi trường.

+ Hạn chế tối đa việc lợi dụng hiện tượng ô nhiễm môi trường do sự cố gây ra để tạo ra dư luận xã hội lệch lạc.

+ Hạn chế tối đa các phản tử quá khích, phản tử cơ hội kích động công nhân, người dân có các phát ngôn hoặc hành động quá khích như chửi bới, đập phá ... gây mất trật tự xã hội.

+ Giúp người dân có được thông tin thực hiện quyền giám sát của mình trong thực hiện ứng phó, khắc phục sự cố môi trường.

+ Giảm chi ngân sách cho các chính sách an sinh xã hội.

+ Không làm tăng thêm khối lượng công việc cho hệ thống bảo trợ xã hội.

+ Tạo cơ sở cho các đánh giá, trợ giúp, ứng phó được chính xác, nhanh chóng, kịp thời, đúng đối tượng.

b. Tác động tiêu cực:

Việc công bố thông tin và thực hiện truyền thông về quá trình ứng phó, cải tạo, phục hồi là rất cần thiết nhằm đưa ra kịp thời các thông tin chính xác và

chính thống về ứng phó sự cố môi trường, cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố. Việc này nếu thực hiện sẽ tạo ra chi phí trong việc truyền thông, cung cấp thông tin. Tuy nhiên, chi phí này không lớn và do người gây ô nhiễm, gây sự cố chi trả.

Các chi phí có thể phát sinh gồm:

+ Đăng thông tin trên cổng thông tin điện tử cấp tỉnh hoặc cấp Trung ương;

+ Đưa tin trên đài truyền thanh của tỉnh, Trung ương

+ Đưa tin trên đài truyền hình của tỉnh, Trung ương

+ Đưa tin trên hệ thống phát thanh của thôn, làng, xã, cộng đồng địa phương;

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Đề nghị lựa chọn phương án 2. Quy định về thông tin, truyền thông về quá trình ứng phó sự cố môi trường, cải tạo và phục hồi môi trường sau sự cố.

4. Chính sách 4: Cộng đồng tham gia vào quá trình ứng phó, cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố.

4.1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay, chưa có quy định về sự tham gia của cộng đồng trong việc ứng phó sự cố môi trường, cải tạo và phục hồi môi trường. Trong khi đó, vai trò của cộng đồng dân cư trong hoạt động này là rất quan trọng, cộng đồng dân cư tham gia với vai trò là người bị huy động lực lượng, trang thiết bị ứng phó sự cố môi trường, vừa là lực lượng trực tiếp ứng phó sự cố môi trường, vừa là đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp của sự cố môi trường, cải tạo và phục hồi môi trường; đồng thời cũng là người giám sát quá trình ứng phó sự cố, cải tạo và phục hồi môi trường. một số bất cập được nhận diện cụ thể như:

- Vai trò của cộng đồng dân cư trong việc ứng phó – xử lý các sự cố còn chưa được được lưu tâm, còn lỏng lẻo. Hầu hết dân cư địa phương: 1/Thiếu thông tin về sự cố mặt và sử dụng các chất độc hại tại địa phương, tại KCN hay KKT ở khu vực họ sinh sống. Điều đó cho thấy dân cư không được bảo đảm an toàn ngay từ ban đầu khi có sự xuất hiện của các chất độc hại. 2/Không được thông báo về các nguy cơ sự cố và các biện pháp ứng phó sự cố sẽ được cơ sở thực hiện theo các phương án an toàn của cơ sở. 3/ Không được biết và giám sát các hoạt động ứng phó sự cố môi trường, cải tạo, phục hồi môi trường. 4/ Không được tham gia các hoạt động diễn tập ứng phó sự cố của cơ sở tương ứng với các kịch bản sự cố; được biết, giám sát các hoạt động ứng phó, sự cố môi trường, cải tạo, phục hồi môi trường. 5/ Chưa có quy định vai trò, trách nhiệm, quyền hạn đầu mối của đại diện cộng đồng trong chia sẻ thông tin trong quá trình ứng phó sự cố môi trường, cải tạo, phục hồi môi trường.

- Việc các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước tham gia các hoạt động ứng phó, khắc phục sự cố môi trường thông qua việc đóng góp hiểu biết, kinh nghiệm, kỹ năng, tài chính và thành lập doanh nghiệp xử lý ô nhiễm môi trường, khắc phục sự cố môi trường và các hoạt động hợp pháp khác... còn tự phát, chưa có ghi nhận và sự quan tâm một cách chính quy từ phía chính phủ. Cộng đồng không chỉ là đối tượng dễ bị tổn thương, tham gia một cách bị động mà còn có thể chủ động xây dựng chiến lược và nguồn lực cần thiết để ngăn chặn và/hoặc giảm nhẹ tác động của các mối đe dọa được xác định cũng như ứng phó, phục hồi và tái thiết sau các thảm họa. Đây là cách tiếp cận quản lý thảm họa dựa vào cộng đồng (Community – based disaster management – CBDM), là cách tiếp cận từ dưới lên, tăng cường hiệu quả của các cơ chế ứng phó sự cố theo cách tiếp cận từ trên xuống của Chính phủ. Quản lý thảm họa dựa vào cộng đồng cho phép cộng đồng chủ động trong quản lý thảm họa và tạo ra không gian cho họ tự phát triển các chiến lược phù hợp với điều kiện riêng của mình, thay vì chờ đợi chính phủ và các tổ chức khác vốn đã căng thẳng và quá tải vì các hoạt động ứng phó. Chiến lược Quản lý thảm họa dựa vào cộng đồng ngày càng trở nên quan trọng vì áp lực đối mặt với biến đổi khí hậu toàn cầu, sự gia tăng dân số dẫn đến dân cư phải sống ở những khu vực rủi ro cao (như xói mòn, sạt lở hay ô nhiễm) như ở Việt Nam. Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng cũng là một trong những thành công của cơ chế ứng phó với sự cố môi trường cần được tiếp tục nhân rộng.

- Việc coi cộng đồng không chỉ là đối tượng dễ bị tổn thương bị động mà còn là chủ thể chủ động ngăn chặn và ứng phó với các thảm họa là cách tiếp cận mới nhằm đảm bảo hiệu quả của cơ chế ứng phó. Quản lý thảm họa dựa vào cộng đồng là cách tiếp cận nhằm xây dựng năng lực của cộng đồng trong việc đánh giá tính dễ bị tổn thương đối với các mối đe dọa từ sự cố phát thải và phát triển chiến lược và nguồn lực cần thiết để ngăn chặn và/hoặc giảm nhẹ tác động của các mối đe dọa được xác định cũng như ứng phó, phục hồi và tái thiết tiếp theo. Chiến lược quản lý thảm họa dựa vào cộng đồng ngày càng trở nên quan trọng vì áp lực đối mặt với biến đổi khí hậu toàn cầu, sự gia tăng dân số dẫn đến dân cư phải sống ở những khu vực rủi ro cao.

- Thêm nữa, công tác ứng phó yêu cầu sự tăng cường liên kết giữa các hoạt động ứng phó từ cấp chính phủ (các tiếp cận từ trên xuống) và ở cấp độ cộng đồng (cách tiếp cận từ dưới lên) đảm bảo tính hiệu quả. Quản lý thảm họa dựa vào cộng đồng cho phép cộng đồng chủ động trong quản lý thảm họa và tạo ra không gian cho họ tự phát triển các chiến lược phù hợp với điều kiện riêng của mình thay vì chờ đợi Chính phủ và các tổ chức khác vốn đã căng thẳng và quá tải vì các hoạt động ứng phó.

- Hiện nay, ngoài cơ chế phòng, chống thiên tai bắt đầu tạo không gian nhất định nhằm tăng cường sự tham gia và tính chủ động của cộng đồng trong khi các cơ chế khác đều thiếu hụt không gian cho cộng đồng tham gia.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Sự tham gia của cộng đồng được quy định rõ ràng, đầy đủ với vai trò vừa là người tham gia, vừa là người giám sát quá trình ứng phó sự cố môi trường, cải tạo và phục hồi môi trường sau sự cố.

4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Phương án 1: Giữ nguyên hiện trạng.

Phương án 2: Quy định rõ sự tham gia của cộng đồng trong ứng phó sự cố môi trường, cải tạo và phục hồi môi trường sau sự cố.

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp 2

a. Tác động tích cực:

Sự tham gia của cộng đồng trong ứng phó sự cố môi trường, cải tạo và phục hồi môi trường có ý nghĩa lớn đối với Quy chế, điều này tạo ra những tác động tích cực đối với xã hội trong nâng cao nhận thức và vai trò của người dân trong ứng phó, khắc phục sự cố môi trường:

+ Trước tiên họ biết được họ đang có khả năng phải gánh chịu những rủi ro nào về môi trường, sức khỏe, tính mạng.

+ Họ biết được cách phòng tránh, ứng phó, cải tạo và khắc phục

+ Họ biết để giám sát cơ sở có rủi ro gây sự cố môi trường cao

+ Họ biết để tham gia quá trình diễn tập ứng phó sự cố môi trường có hiệu quả hơn

+ Họ biết để giám sát người có quyền huy động nguồn lực ứng phó sự cố môi trường, tránh trường hợp lạm quyền gây thiệt hại về tài sản không đáng có cho họ, gây lãng phí

+ Họ biết để giám sát quá trình khắc phục sự cố môi trường được thực hiện một cách nghiêm chỉnh, không có sự gian lận, lãng phí, đảm bảo môi trường được cải tạo, phục hồi để người dân có thể tiếp tục sinh sống, lao động trong môi trường an toàn.

+ Quy định việc đối thoại với người dân về các vấn đề môi trường có thể phát sinh, trách nhiệm của cơ sở sản xuất, kinh doanh, quyền và nghĩa vụ của người dân trong bảo vệ môi trường, ứng phó với sự cố môi trường là quy định quan trọng nhằm nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường.

+ Cuối cùng là nâng cao nhận thức của người dân trong công tác bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường, cải tạo và phục hồi môi trường sau sự cố.

Sáng kiến về QLRRTH-DVCD đã được thực hiện ở nhiều nơi trên thế giới và đã đem lại kết quả rõ ràng. Tuy nhiên, thực hiện QLRRTH-DVCD trong

nhiều dự án vẫn phải dựa vào nguồn hỗ trợ tài chính từ bên ngoài và thường khi kết thúc tài trợ cũng có nghĩa kết thúc các hoạt động này. Vì vậy, khi nào cộng đồng còn chưa phải là những người chủ dự án, thì dự án không thể thực hiện được một cách bền vững.

Vì vậy, những bài học quý giá từ các tổ chức với các hoàn cảnh kinh tế - xã hội khác nhau là rất quan trọng. Để áp dụng những bài học này một cách hiệu quả, cần phải có cơ chế thực hiện QLRTH-DVCD bền vững được phổ biến rộng rãi cho cộng đồng và các bên có liên quan. QLRTH-DVCD bắt nguồn từ cơ sở lý luận của 3 vấn đề thực tiễn sau: - Người dân địa phương hiểu cơ hội cũng như hạn chế của mình hơn những người bên ngoài - Trong việc hiểu biết về các vấn đề địa phương, không ai bằng người dân sống trong cộng đồng khi cuộc sống và lợi ích của họ bị đe dọa - Nhân dân là nguồn lực phát triển dồi dào và quý giá nhất của đất nước, nguồn lực này cần được khai thác và phát triển Vì vậy, trong quản lý rủi ro thảm họa và thích ứng với BĐKH, cộng đồng không chỉ là đối tượng hưởng lợi mà còn đóng vai trò chính trong tất cả các quá trình quản lý rủi ro thảm họa. Người dân có khả năng hiểu rõ nhất về các rủi ro thảm họa mà họ phải đối mặt. Người dân có thể chủ động tham gia vào việc lập kế hoạch QLRTH cho chính họ thông qua việc sử dụng tối đa các nguồn lực địa phương và các kiến thức bản địa. Sự tham gia của cộng đồng rất quan trọng và có những lợi thế sau:

➤ Thông tin tốt hơn

Người dân địa phương là nguồn thông tin tốt nhất về môi trường sống của họ. Thông tin được thu thập đầy đủ và chính xác hơn, phản ánh được tâm tư, nguyện vọng và tình trạng thực tế của các thành viên nam, nữ trong cộng đồng, đặc biệt là đối tượng dễ bị tổn thương.

➤ Nâng cao năng lực cho cộng đồng

Quá trình tham gia của người dân làm tăng niềm tin, phát triển kỹ năng, năng lực và hợp tác của người dân địa phương. Điều này giúp họ tăng khả năng ứng phó với các thách thức của các cá nhân và nhóm cư dân trong cộng đồng.

➤ Ứng phó thích hợp hơn

Các giải pháp ứng phó thích hợp hơn đối với nhu cầu và mong muốn của người dân. Các đề xuất, dự án được cộng đồng chuẩn bị cho chính bản thân họ, nên có thể sửa đổi, bổ sung cho đúng và phù hợp trước khi được phê duyệt. Kết quả là các nguồn lực được sử dụng thích hợp và huy động đầy đủ hơn.

➤ Học hỏi chuyên môn

Các chuyên gia bên ngoài (các chuyên gia, tư vấn, cán bộ cơ quan nhà nước và các tổ chức xã hội ...) sẽ có hiểu biết toàn diện hơn về cộng đồng khi họ giúp đỡ cộng đồng và do đó họ đạt được hiệu quả cao hơn trong công việc của họ.

Hướng tới phát triển Người dân có sự hiểu biết rõ ràng về các giải pháp thực tế đối với cộng đồng và họ sẽ có thái độ tích cực đối với phát triển, điều này có thể giúp tránh được những mâu thuẫn, tranh chấp.

➤ Chi phí thấp hơn

Người dân tận tâm với môi trường của họ, họ có thể quản lý và bảo vệ môi trường tốt hơn trong việc giảm khả năng sử dụng không đúng các nguồn lực.

➤ Các giải pháp mang tính nhân văn và bền vững hơn

Cuộc sống của cộng đồng địa phương ổn định và bền vững hơn. Đây là kết quả của các hành động trên

b. Tác động tiêu cực: Không có

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Đề nghị lựa chọn Phương án 2: Quy định rõ sự tham gia của cộng đồng trong ứng phó sự cố môi trường, cải tạo và phục hồi môi trường sau sự cố.